

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2022

Phụ lục 01
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐU ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THAM DỰ KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2022
(Kèm theo Thông báo số **321** /TB-HĐ ngày **16** tháng 3 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2022)

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Dương Minh	Thành	23	12	1987		Trường Mầm non Đồng Xanh	Kế toán	Kế toán viên	06.031	Đại học	Kế toán	Tiếng Anh A2	ƯDCNTT cơ bản			
2	Võ Ngọc	Cẩm	06	4	1992	x	Trường Mầm non Đồng Xanh	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non					
3	Trần Thị	Hương	16	10	1982	x	Trường Mầm non Hoa Lan	Văn thư	Văn thư viên trung cấp	02.008	Trung cấp	Văn thư - Lưu trữ	Level 2 (A2)	ƯDCNTT cơ bản			
4	Nguyễn Thị Kim	Ngân	10	3	1985	x	Trường Mầm non Hoa Lan	Kế toán	Kế toán viên	06.031	Đại học	Cử Nhân kinh tế - kế toán	Tiếng Anh B	B			
5	Lê Thị Thu	Nhân	30	8	1988	x	Trường Mầm non Hoa Lan	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non					
6	Phạm Thị Mỹ	An	06	12	1992	x	Trường Mầm non Hoa Lan	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non					
7	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	04	8	1995	x	Trường Mầm non Hoa Lan	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non					
8	Đoàn Thị Kim	Thoa	08	01	1994	x	Trường Mầm non Hoa Lan	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non					

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
9	Nguyễn Thị Hồng	Oanh	09	3	1996	x	Trường Mầm non Hoa Lan	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non					
10	Trần Phạm Thiên	Hương	05	01	1994	x	Trường Mầm non Hoa Lan	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo viên mầm non	Tiếng Anh A	A			
11	Quách Cẩm	Nghi	10	4	1997	x	Trường Mầm non Hoa Lan	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Đại học	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
12	Nguyễn Thị Bạch	Tuyết	10	4	1998	x	Trường Mầm non Hoa Lan	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Đại học	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
13	Nguyễn Hoàng	Ngân	06	01	1998	x	Trường Mầm non Hoa Lan	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
14	Phạm Thị Mỹ	Loan	04	02	1996	x	Trường Mầm non Hoa Lan	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cử Nhân	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
15	Cù Thị Bích	Yên	24	4	1989	x	Trường Mầm non Hoa Lan	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non					
16	Cù Thị Tuyết	Sương	07	11	1992	x	Trường Mầm non Hoa Lan	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non					
17	Nguyễn Phương Hồng	Hạnh	22	12	1992	x	Trường Mầm non Hoa Lan	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non					
18	Nguyễn Thị Phương	Giang	19	6	1989	x	Trường Mầm non Hoa Lan	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non					
19	Lê Thị Mai	Thi	19	5	1999	x	Trường Mầm non Hoa Lan	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cử Nhân	Giáo dục mầm non					

Tài

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
20	Tân Tuệ	Tú	19	5	1993	x	Trường Mầm non Hoa Lan	Văn thư	Văn thư viên trung cấp	02.008	Trung cấp	Văn thư - Lưu trữ					
21	Huỳnh Thị Cẩm	Tiên	03	12	1995	x	Trường Mầm non Hoa Lan	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.2.6	Cử Nhân	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
22	Lê Thị	Thanh	10	5	1980	x	Trường Mầm non Hoa Lan	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.2.6	Cao đẳng	Giáo dục mầm non					
23	Phạm Thị Hồng	Ngọc	05	4	1993	x	Trường Mầm non Hoa Lan	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.2.6	Cử Nhân	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh B	B			
24	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	20	02	1994	x	Trường Mầm non Hòa Mĩ	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.2.6	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
25	Lê Thị	Tư	02	10	1983	x	Trường Mầm non Hòa Mĩ	Văn thư	Văn thư viên trung cấp	02.008	Đại học Sơ cấp	Kế toán Văn thư lưu trữ	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
26	Mai Thị Thu	Hà	20	10	1995	x	Trường Mầm non Hoa Sen	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.2.6	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh B	A			
27	Trần Thị Ngọc	Hân	01	10	1989	x	Trường Mầm non Hoa Sen	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.2.6	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
28	Lê Thị Diệu	Hiền	23	8	1996	x	Trường Mầm non Hoa Sen	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.2.6	Cao đẳng	Giáo dục mầm non					
29	Huỳnh Thị	Kiều	08	9	1996	x	Trường Mầm non Hoa Sen	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.2.6	Đại học	Giáo dục mầm non					
30	Nguyễn Thị Hoài	Thương	06	6	1999	x	Trường Mầm non Hoa Sen	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.2.6	Cao đẳng	Giáo dục mầm non					

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
31	Đặng Thị Bích	Trâm	27	8	1994	x	Trường Mầm non Hoa Sen	Văn thư	Văn thư viên trung cấp	02.008	- Đại học - Sơ cấp	- Quản lý giáo dục - Quản trị văn phòng và công tác văn thư lưu trữ					
32	Nguyễn Thị Thu	Thùy	10	11	1988	x	Trường Mầm non Hướng Dương	Giáo viên Mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.2 6	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
33	Bùi Thị Cẩm	Thụy	09	12	1995	x	Trường Mầm non Hướng Dương	Giáo viên Mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.2 6	Đại học	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
34	Hoàng Nguyễn Hải	Hà	01	02	1994	x	Trường Mầm non Mạ Non	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non Hạng III	V.07.02.2 6	Cao đẳng	Giáo dục mầm non					
35	Huỳnh Thị Kim	Tha	10	9	1994	x	Trường Mầm non Mạ Non	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non Hạng III	V.07.02.2 6	Cao đẳng	Giáo dục mầm non					
36	Bùi Thị Thu	Thùy	16	6	1997	x	Trường Mầm non Mạ Non	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non Hạng III	V.07.02.2 6	Đại học	Giáo dục mầm non		Tin học cơ bản			
37	Võ Thùy	Trang	21	6	1994	x	Trường Mầm non Mạ Non	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non Hạng III	V.07.02.2 6	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh B	Tin học trình độ A			
38	Nguyễn Thị Kim	Huệ	25	4	1996	x	Trường Mầm non Mạ Non	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non Hạng III	V.07.02.2 6	Đại học	Giáo dục mầm non		Tin học ứng dụng trình độ A			
39	Phan Thị	Lê	17	01	1989	x	Trường Mầm non Mạ Non	Y tế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.0 7	Trung cấp	Y sĩ	Tiếng Anh B	B			
40	Mai Thị Bé	Hai	01	01	1991	x	Trường Mầm non Sao Mai	Y tế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.0 7	Trung cấp	Y sĩ	Tiếng Anh B	Trình độ B			
41	Nguyễn Thu	Trang	06	11	1982	x	Trường Mầm non Sao Mai	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.2 6	Cao đẳng	Giáo viên mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCNTT trong dạy học			

Tài

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
42	Nguyễn Trần Minh	Hiền	01	11	1999	x	Trường Mầm non Sao Mai	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cử Nhân	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh B	UDCNTT cơ bản			
43	Nguyễn Thị Thanh	Hân	25	9	1995	x	Trường Mầm non Sơn Ca	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	Đại học	Giáo dục Mầm non					
44	Trần Thị Thùy	Trang	03	7	1996	x	Trường Mầm non Sơn Ca	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	Đại học	Giáo dục Mầm non					
45	Nguyễn Thị Phụng	Kiều	30	3	1993	x	Trường Mầm non Sơn Ca	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao Đẳng	Giáo dục Mầm non					
46	Trần Ngọc Tuyết	Ngân	06	6	1995	x	Trường Mầm non Sơn Ca	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao Đẳng	Giáo dục Mầm non					
47	Lê Thị	Ngoan	05	9	1992	x	Trường Mầm non Sơn Ca	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao Đẳng	Giáo dục Mầm non					
48	Phạm Thị Kim	Tuyền	18	12	1979	x	Trường Mầm non Sơn Ca	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	Đại học	Giáo dục Mầm non					
49	Huỳnh Thị Ngọc	Mai	30	8	1992	x	Trường Mầm non Sơn Ca	Y tế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp	Y sĩ	Tiếng Anh B	UDCNTT cơ bản			
50	Đào Thị Minh	Trang	24	02	1978	x	Trường Mầm non Sơn Ca	Kế toán	Kế toán viên	06.031	Đại học	Kế toán	Tiếng Anh B	A			
51	Trần Thanh Thùy	Trang	02	12	1978	x	Trường Mầm non Thị Trấn Nhà Bè	Kế toán	Kế toán viên	06.031	Đại học	Tài chính doanh nghiệp	B - Anh Văn giao tiếp A - Anh Văn thương mại	B			
52	Lưu Thị	Ngọc	12	5	1994	x	Trường Mầm non Thị Trấn Nhà Bè	Y tế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp Y sĩ	Y sĩ	Tiếng Anh B	A			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
53	Nguyễn Thị Hoàng	Nhi	25	10	1993	x	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh B	Trình độ A			
54	Nguyễn Thị Thuý	Linh	02	02	1993	x	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Đại học	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh bậc 3	Trình độ B			
55	Ngô Thị Ngọc	Sương	07	3	1988	x	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	Kế toán	Kế toán viên	06.031	Đại học	Kế toán	Tiếng Anh B	A			
56	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	08	10	1993	x	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Đại học	Giáo viên mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
57	Nguyễn Anh	Thư	16	8	1987	x	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Đại học	Giáo viên mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCNTT nâng cao			
58	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	05	6	1998	x	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo viên mầm non	TOEIC	ƯDCNTT cơ bản			
59	Huỳnh Hồng	Hạnh	19	11	1991	x	Trường Mầm non Vàng Anh	Nhân viên văn thư	Văn thư viên trung cấp	02.008	- Cao đẳng - Trung cấp	- Marketing tổng hợp - Văn thư - lưu trữ	Tiếng Anh A1	Chứng chỉ			
60	Nguyễn Hoàng	Huy	23	9	1988		Trường Mầm non Vàng Anh	Kế toán	Kế toán viên	06.031	Đại học	Kế toán	Tiếng Anh A2	Cao đẳng			
61	Nguyễn Thị Thu	Hiền	24	01	1996	x	Trường Mầm non Vành Khuyên	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Đại học	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
62	Hồ Thị Hồng	Thu	21	9	1996	x	Trường Tiểu học Bùi Thanh Khiết	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B	A			
63	Trần Thị Trúc	Linh	12	8	1988	x	Trường Tiểu học Bùi Thanh Khiết	Kế toán	Kế toán viên	06.031	Đại học	Kế toán doanh nghiệp	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			

Tài

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
64	Phạm Thị Kim	Dung	15	5	1987	x	Trường Tiểu học Bùi Thanh Khiết	Kế toán	Kế toán viên	06.031	Đại học	Tài chính - Kế toán - Ngân hàng	Tiếng Anh B	B			
65	Nguyễn Trường	Son	05	12	1997		Trường Tiểu học Dương Văn Lịch	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Cử nhân	Giáo dục Thể chất (Điện Kinh)		ƯDCNTT cơ bản			
66	Trần Ngọc Lệ	Trang	20	8	1992	x	Trường Tiểu học Lê Lợi	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Pháp A	ƯDCNTT cơ bản			
67	Bùi Hải	Yến	27	7	1988	x	Trường Tiểu học Lê Lợi	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Pháp văn - Trình độ B	ƯDCNTT cơ bản			
68	Phan Thị	Trang	10	10	1992	x	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học					
69	Đồng Thị	Trang	18	11	1997	x	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học					
70	Nguyễn Tấn	Phát	08	12	1992		Trường Tiểu học Lê Quang Định	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Nghệ vụ sư phạm				
71	Đỗ Tổ	Như	10	7	1985	x	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Ngữ văn Anh		A			
72	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	14	7	1983	x	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Kế toán	Kế toán viên	06.031	Đại học	Kế toán	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
73	Phan Thị	Ngân	10	10	1992	x	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Kế toán	Kế toán viên	06.031	Đại học	Kế toán kiểm toán	Tiếng Anh B	B			
74	Trần Thị Kim	Quyên	09	12	1988	x	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Y tế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp	Y sỹ	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			

Handwritten signature/initials

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
75	Trần Thị Thanh	Thọ	16	8	1995	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
76	Trần Thị	Mĩm	02	5	1994	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
77	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	05	01	1997	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
78	Huỳnh Gia	Bội	12	9	1995	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
79	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	12	11	1992	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Pháp	ƯDCNTT cơ bản			
80	Phạm Thị Thanh	Hạ	26	11	1998	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Pháp	ƯDCNTT cơ bản			
81	Phạm Thị	Tâm	08	8	1986	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Kế toán	Kế toán viên	06.031	Đại học	Cử nhân kế toán	Tiếng Anh B	B			
82	Nguyễn Thị Kim	Ngân	28	01	1989	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Kế toán	Kế toán viên	06.031	Đại học	Cử nhân kế toán	Tiếng Anh B	B			
83	Trần Thị Dương	Hà	11	6	1975	x	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Pháp B	A			
84	Lý Minh	Luân	23	01	1999		Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B1	ƯDCNTT cơ bản			
85	Trần Bảo	Ngọc	15	12	1993		Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B1	ƯDCNTT cơ bản			

tau

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
86	Lại Ngọc	Cần	16	6	1983		Trường Tiểu học Nguyễn Trực	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
87	Văn Minh	Thừa	16	10	1986		Trường Tiểu học Nguyễn Trực	Công nghệ thông tin	Cán sự	1,004	Đại học	Công nghệ thông tin	Tiếng Anh A2				
88	Trương Thị	Biên	17	02	1987	x	Trường Tiểu học Nguyễn Trực	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Ngữ văn Anh					
89	Trần Thị	Nhật	05	5	1990	x	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
90	Phạm Thị Yến	Nhi	15	01	1998	x	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học					
91	Nguyễn Thị Kim	Khoa	17	10	1984	x	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Kế toán	Kế toán viên	06.031	Cử nhân	Kế toán	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
92	Lê Thị Hoàng	Dung	02	7	1975	x	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Ngôn ngữ Anh					
93	Thái Hoàng	Dung	14	11	1988	x	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
94	Đặng Kim	Phượng	03	3	1973	x	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Anh văn		Điện toán văn phòng			
95	Nguyễn Thị Lệ	Thu	26	10	1984	x	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Kế toán	Kế toán viên	06.031	Đại học	Kế toán	Tiếng Anh B	Trình độ A			
96	Ngô Thị Ngọc	Phúc	23	10	1996	x	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Văn thư	Văn thư viên trung cấp	02.008	Trung cấp	Văn thư - lưu trữ	Tiếng Anh A2	ƯDCNTT cơ bản			

tam

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
97	Chế Minh	Thọ	18	3	1998		Trường Tiểu học Tạ Uyên	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục Thể chất					
98	Lê Thị Phương	Mai	24	02	1993	x	Trường Tiểu học Tạ Uyên	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Sư phạm Tiếng anh					
99	Nguyễn Hữu	Thuần	28	10	1984		Trường Tiểu học Tạ Uyên	Giáo viên dạy Âm nhạc	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Sư phạm Âm nhạc					
100	Nguyễn Thị Bắc	Nương	30	10	1985	x	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDCNTT trong dạy học			
101	Phạm Thị Thu	Nguyệt	22	5	1997	x	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDCNTT trong dạy học			
102	Tô Minh	Vũ	12	10	1999		Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B1	ƯDCNTT trong dạy học			
103	Huỳnh Thị Cẩm	Tú	22	10	1997	x	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDCNTT trong dạy học			
104	Huỳnh Thị Anh	Thư	25	9	1999	x	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B1	ƯDCNTT trong dạy học			
105	Lê Trung	Hào	30	12	1996		Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục Thể chất	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
106	Huỳnh Bảo	Duy	11	9	1999		Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục Thể chất					
107	Trần Kim	Thoa	07	12	1984	x	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Ngữ văn Anh					

Tân

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
108	Trần Thị Thanh	Thùy	05	8	1989	x	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Kế toán	Kế toán viên	06.031	Đại học	Kế toán	Tiếng Anh B	Trình độ B			
109	Nguyễn Mai	Thuận	12	01	1995		Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
110	Lê Thị Thúy	Quy	15	7	1999	x	Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B1	ƯDCNTT cơ bản			
111	Huỳnh Văn	Thảo	25	8	1989		Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục thể chất	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản	UT3		
112	Lê Thị Thúy	An	01	02	1990	x	Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Thương mại Và Du lịch	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
113	Nguyễn Thị Kim	Ngân	02	10	1997	x	Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Thư viện, thiết bị	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Trung cấp	Thư viện - thiết bị Trường học	Toeic	ƯDCNTT cơ bản			
114	Vũ Thị Hồng	Ân	28	4	1984	x	Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Công nghệ thông tin	Cán sự	1,004	Cao đẳng	Công nghệ thông tin	Tiếng Anh B				
115	Nguyễn Thị Trà	My	22	01	1999	x	Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Trung	ƯDCNTT cơ bản			
116	Nguyễn Thị Kim	Chi	20	8	1999	x	Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Trung	ƯDCNTT cơ bản			
117	Nguyễn Thị Trúc	Phương	19	7	1995	x	Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Y tế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp	Y sĩ	Tiếng Anh A2	A			
118	Lê Thị Thanh	Tâm	26	7	1986	x	Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Văn thư	Văn thư viên trung cấp	02.008	Trung cấp	Văn thư lưu trữ	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			

taw

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
119	Mai Hải	Yến	01	9	1999	x	Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Giáo viên dạy Địa lý	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Địa lí		ƯDCNTT cơ bản			
120	Nguyễn Thanh	Hải	14	9	1994		Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Giáo dục Thể chất	Tiếng Anh B	B			
121	Nguyễn Thị	Chung	19	01	1990	x	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Giáo viên dạy Vật lý	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Giáo viên môn Vật lý					
122	Nguyễn Tấn	Huy	29	11	1997		Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Giáo viên dạy Vật lý	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Giáo viên môn Vật lý					
123	Trần Thế Thùy	Loan	02	02	1984	x	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Kế toán	Kế toán viên	06.031	Đại học	Kế toán viên	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
124	Nguyễn Thị	Phương	21	7	1981	x	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Văn thư	Văn thư viên trung cấp	02.008	Trung cấp	Văn thư trung cấp	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
125	Nguyễn Huỳnh Đức	Huy	24	9	1998		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Toán học	Tiếng Anh B2	UDCNTT cơ bản			
126	Nguyễn Thị	Trang	10	02	1993	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Toán học	Tiếng anh B	ƯDCNTT cơ bản			
127	Phan Thị Bảo	Thi	15	12	1996	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Tiếng anh B	Tin học ứng dụng trình độ B			
128	Nguyễn Thanh	Bình	05	7	1997		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Tiếng anh B	ƯDCNTT cơ bản			
129	Ngô Thị Diễm	Hân	02	01	1998	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Toán học	Tiếng Anh bậc 3	UDCNTT cơ bản			

Tạo

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
130	Đào Thị Hồng	Phuong	03	11	1996	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Ngữ văn					
131	Huỳnh Thị Thúy	Hằng	26	6	1999	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		ƯDCNTT cơ bản			
132	Cao Ích	Bằng	03	02	1992		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Tiếng anh B	Trình độ B			
133	Lâm Minh	Phước	29	5	1999		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Giáo dục thể chất		ƯDCNTT cơ bản			
134	Đỗ Minh	Vương	28	7	1994		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Giáo dục thể chất	Tiếng anh B	ƯDCNTT cơ bản			
135	Lê Xuân	Giang	07	3	1993		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Cử nhân	Giáo dục thể chất					
136	Cao Thành	Đạt	27	11	1999		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Giáo dục thể chất					
137	Nguyễn Ngọc	Tài	19	01	1998		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Giáo dục thể chất		ƯDCNTT cơ bản			
138	Phạm Thị Hồng	Loan	21	6	1999	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Địa lý	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Địa lý	Tiếng anh B1	ƯDCNTT cơ bản			
139	Phạm Thị Bích	Thu	10	9	1995	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh					
140	Chung Thị	Dung	22	12	1993	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh					

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
141	Lê Thị Bích	Loan	19	6	1992	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Cử nhân	Hóa học	Tiếng anh B	Tin học ứng dụng trình độ B			
142	Trần Thị Bích	Hào	06	5	1999	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Hóa học	Tiếng anh B1	UDCNTT cơ bản			
143	Vương Thanh	Toàn	01	12	1988		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Hóa học	Đại học	Trình độ A			
144	Nguyễn Thị Thùy	Linh	09	7	1997	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Hóa học					
145	Tạ Thế	Thạch	01	3	1996		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Hóa học					
146	Phạm Thị Xuân	Thùy	02	8	1992	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Cử nhân	Hóa học	Tiếng anh A2	UDCNTT cơ bản			
147	Nguyễn Thị Ngọc	Đào	21	6	1998	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Cử nhân	Sư phạm Hóa học		UDCNTT cơ bản			
148	Nguyễn Thị Ngọc	Thu	18	02	1998	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Cử nhân	Sư phạm Hóa học	Tiếng anh B1	UDCNTT cơ bản			
149	Bùi Thị Bảo	Trân	28	11	1999	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Giáo dục công dân	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Cử nhân	Giáo dục chính trị	Tiếng anh B1	UDCNTT cơ bản			
150	Hoàng Đình Nhật	Long	13	11	1999		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Giáo dục công dân	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Cử nhân	Giáo dục chính trị	Tiếng Anh bậc 3	UDCNTT cơ bản			
151	Nguyễn Kim	Linh	05	02	1999	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Giáo dục công dân	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Cử nhân	Giáo dục chính trị	Tiếng Anh bậc 3	UDCNTT cơ bản			

Tài

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
152	Nguyễn Hồng	Phuong	06	8	1999		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Giáo dục công dân	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Giáo dục chính trị					
153	Trương Ngọc	Kha	18	8	1993	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Giáo dục công dân	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Cử nhân	Giáo dục chính trị	Tiếng anh B	Trình độ A			
154	Nguyễn Thị Châu	Khoa	20	12	1983	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Sinh học	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm sinh vật	Tiếng Anh C	Trình độ A			
155	Trần Thị Thanh	Ngân	27	4	1999	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Sinh học	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm sinh học		ƯDCNTT cơ bản			
156	Phạm Văn Tùng	Em	01	01	1985		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Lịch sử	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử	Tiếng anh B	Trình độ A	ƯT3		
157	Huỳnh Ngọc	Trâm	08	9	1990	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Thiết bị, thí nghiệm	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	V.07.07.2 0	Đại học	Vật lý	Tiếng Anh C				
158	Nguyễn Đức Minh	Sỹ	22	8	1994		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Lịch sử	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Lịch sử					
159	Nguyễn Minh Anh	Khôi	02	4	1998		Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Tin học	Giáo viên THCS hạng III	V07.04.3 2	Đại học	Sư phạm tin học					
160	Lê Hoàng	Long	20	6	1999		Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên THCS hạng III	V07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Toán					
161	Nguyễn Lê Thiên	Trúc	03	4	1997	x	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Ngữ văn					
162	Nguyễn Thị Vũ	Hòa	10	3	1997	x	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh					

tau

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
163	Lâm Thị	Điệp	21	01	1996	x	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	V07.04.32	Đại học	Sư phạm Sinh học			U72		
164	Lê Trung	Nguyên	12	10	1995		Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên THCS hạng III	V07.04.32	Đại học	Giáo dục thể chất					
165	Nguyễn Thanh	Xuân	12	12	1988	x	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên THCS hạng III	V07.04.32	Đại học	Cử nhân Toán					
166	Nguyễn Thị Hồng	Yến	10	11	1999	x	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	V07.04.32	Đại học	Sư phạm Sinh học					
167	Vũ Thị	Hòa	11	6	1997	x	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V07.04.32	Đại học	Sư phạm Ngữ văn					
168	Hồ Yến	Nhi	08	3	1996	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	IELTS 6,5 TOEIC 810	UĐCNTT cơ bản			
169	Châu Thị Ngọc	Trâm	29	10	1996	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Giáo dục công dân	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Giáo dục chính trị					
170	Trần Thị Cẩm	Tiên	16	12	1995	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Toán học	Tiếng Anh B	UĐCNTT cơ bản			
171	Nguyễn Thị	Thêu	06	9	1994	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Toán học	Tiếng Anh bậc 2	UĐCNTT cơ bản			
172	Trần Minh	Đức	02	3	1992		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Toán học					
173	Lê Thị Ngọc	Hà	09	01	1996	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Toán học					

tuan

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
174	Đỗ Lê Trúc	Anh	16	3	1999	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Toán học		ƯDCNTT cơ bản			
175	Nguyễn Lâm Thành	Lộc	29	11	1994		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Toán học	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
176	Bùi Thái	Công	22	3	1997		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Toán học	Tiếng Anh bậc 3	A			
177	Bùi Thị	Sương	02	7	1996	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Hóa học		ƯDCNTT cơ bản			
178	Trần Thị Khanh	Hoa	12	4	1990	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Hóa học	Tiếng Anh B	B			
179	Nguyễn Trương Ngọc	Vy	30	8	1997		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Giáo dục thể chất	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
180	Danh	Manh	06	7	1990		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Giáo dục thể chất	Tiếng Anh B1	B			
181	Nguyễn Thị Kim	Phụng	29	9	1990	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Hỗ trợ Giáo dục người khuyết tật	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật (hạng IV)	V.07.06.1 6	Đại học	Điều dưỡng	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
182	Hồ Ngọc	Châu	25	11	1991	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Y tế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.0 7	Trung cấp	Y sĩ	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
183	Mai Thị	Huyền	02	8	1988	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Thủ quỹ	Cán sự	1,004	Cao đẳng	Tài chính doanh nghiệp					
184	Võ Huy	An	25	11	1998		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Văn		Tin học văn phòng			

tuan

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
185	Phạm Thị Hồng	Gắm	27	12	1998	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Tiếng Trung HSK3	ƯDCNTT cơ bản			
186	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	23	9	1997	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Tiếng Anh B	B			
187	Lê Xuân	Quỳnh	02	3	1992	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Lịch sử	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Lịch sử		ƯDCNTT cơ bản			
188	Phạm Thị Phước	Ngân	19	10	1998	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Địa lý	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Địa lý	Tiếng Anh B1	ƯDCNTT cơ bản			
189	Ngô Ngọc	Trân	08	4	1989	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Địa lý	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Thạc sĩ	Địa lý học	Chứng chỉ IELTS	ƯDCNTT cơ bản	ƯT2		
190	Nguyễn Thị Thùy	Linh	13	7	1999	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Giáo dục công dân	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Giáo dục chính trị	Tiếng Anh B1	ƯDCNTT cơ bản			
191	Tạ Vũ Công	Thành	10	4	1992		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Giáo dục công dân	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Giáo dục chính trị	Tiếng Anh B	A	ƯT2		
192	Nguyễn Thị Tây	Thi	29	8	1993	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Pháp B	ƯDCNTT cơ bản			
193	Đặng Ngọc Phương	Tươi	25	8	1990	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Kỹ thuật nông nghiệp	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	Tiếng Anh B	A			
194	Nguyễn Hoài	Ngân	10	7	1997	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Giáo dục thể chất					
195	Trần Thị Anh	Tài	30	5	1999		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Giáo dục thể chất		ƯDCNTT cơ bản			

Tài

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
196	Nguyễn Trần Thị Tú	Quyên	30	05	1984	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Tin học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Công nghệ thông tin	Tiếng Anh B				
197	Ngô Thanh	Bình	13	7	1999		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Toán học		ƯDCNTT cơ bản			
198	Đoàn Diễm	Kiều	22	10	1998	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Toán học	Tiếng Anh B1	ƯDCNTT cơ bản			
199	Hồ Thị	Huyền	06	6	1995	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Toán học	Tiếng Anh thực hành	ƯDCNTT cơ bản			
200	Lê Thị Thanh	Thảo	28	12	1986	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Thạc sĩ	Toán giải tích	Tiếng Anh B	Đại học Toán Tin			
201	Lê Ái	Mỹ	28	10	1991	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Thạc sĩ	Toán học	Tiếng Anh B1	A			
202	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	29	01	1998	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Toán học	Tiếng Anh bậc 3	ƯDCNTT cơ bản			
203	Nguyễn Thành	Tâm	08	12	1998		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Toán học	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản			
204	Nguyễn Thị	Hà	02	7	1994	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học Hóa học	Tiếng Anh bậc 3	B			
205	Võ Thị Hoa	Quỳnh	10	9	1994	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Hóa học	Tiếng Anh B1	B			
206	Nguyễn Thị Thu	Thảo	05	9	1996	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Hóa học					

taw

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
207	Trần Thị	Ngân	19	11	1995	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Thạc sĩ	Hóa hữu cơ	Tiếng Anh B	A			
208	Huỳnh Thị Hà	My	22	01	1996	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Sinh học	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Sinh học		B			
209	Trần Thị	Hằng	05	8	1990	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Vật lý	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Vật lý nguyên tử hạt nhân	Tiếng Anh B	A			
210	Cao Thị	Thúy	12	7	1997	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Vật lý	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Vật lý	Tiếng Anh B	A			
211	Nguyễn Nhật	Phương	02	02	1997		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Công nghệ thông tin	Cán sự	1,004	Cao đẳng	Công nghệ thông tin					
212	Nguyễn Thị Song	Trâm	16	12	1979	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Y tế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp	Y sĩ	Tiếng Anh A2	B			
213	Phùng Văn	Tùng	15	3	1989		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Âm nhạc	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Âm nhạc			ƯT2		
214	Lê Nguyễn Hoàng	My	23	10	1998	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ	Giáo viên dạy Sinh học	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Sinh học	Tiếng Anh B1	ƯDCNTT cơ bản			
215	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	02	3	1982	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ	Giáo viên dạy Lịch sử	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Tiếng Anh B1	A			
216	Lê Minh	Tiến	20	4	1988		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Toán học	Tiếng Anh A2	ƯDCNTT cơ bản			
217	Nguyễn Minh	Trường	01	01	1993		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Giáo dục thể chất	Tiếng Anh A2	Tin học cơ bản			

tau

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
218	Lưu Thị	Tâm	07	10	1992	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ	Kế toán	Kế toán viên	06.031	Cử nhân	Tài chính-Kế toán	Tiếng Anh B1	ƯDCNTT nâng cao			
219	Vô Thị Anh	Thư	26	9	1995	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ	Giáo viên dạy Giáo dục công dân	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Cử nhân	Giáo dục Chính trị	Tiếng Anh C	ƯDCNTT cơ bản			
220	Lâm Thanh	Ngọc	09	3	1994	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Cử nhân	Ngữ văn Anh	Chứng chỉ Tiếng Pháp	ƯDCNTT cơ bản			
221	Lãnh Triệu Hồng	Duyên	01	11	1998	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Cử nhân	Sư phạm Toán	Tiếng Anh B1	ƯDCNTT cơ bản	U2		
222	Đỗ Trần Hoài	Phương	16	8	1996	x	Trường Trung học cơ sở Phước Lộc	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Toán	TOEIC	ƯDCNTT cơ bản			
223	Đoàn Minh	Duy	06	01	1996		Trường Trung học cơ sở Phước Lộc	Giáo viên dạy Sinh học	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Sinh học	Tiếng Anh bậc 3	ƯDCNTT cơ bản			
224	Phan Kim	Xuyến	31	01	1992	x	Trường Trung học cơ sở Phước Lộc	Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.3 2	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Tiếng Anh bậc 3	ƯDCNTT cơ bản			
225	Ninh Văn	Hùng	04	02	1987		Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Nhà Bè	Giáo viên trung học phổ thông	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	V.07.05.1 5	Đại học	Toán học	Tiếng Anh B	A			
226	Phan Thị Ngọc	Thủy	04	3	1993	x	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Nhà Bè	Giáo viên trung học phổ thông	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	V.07.05.1 5	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Tiếng Anh B2	B			
227	Lê Hoàng Vi	Uyên	11	7	1991	x	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Nhà Bè	Giáo viên Giáo dục nghề nghiệp	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III	V.09.02.0 7	Cử nhân	Kế toán	Tiếng Anh B	B			

tau

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
228	Đoàn Mỹ	Xuân	24	9	1995	x	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Nhà Bè	Giáo viên Giáo dục nghề nghiệp	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III	V.09.02.07	Cử nhân	Luật Kinh tế	Tiếng Anh B	UĐCNTT cơ bản			
229	Bùi Kiến	Khoa	26	7	1985		Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Nhà Bè	Giáo viên Giáo dục nghề nghiệp	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III	V.09.02.07	Đại học	Luật	Đại học Ngôn ngữ Anh	B			

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2022 *tau*

DANH SÁCH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THAM DỰ KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số 321 /TB-HĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2022)



STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Lý do không đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					
1	Võ Thị	Trang	22	3	1993	x	Trường Mầm non Hoa Sen	Giáo viên Mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản	Phiếu đăng ký dự tuyển không đầy đủ thông tin
2	Phạm Thị Cẩm	Nhung	02	6	1985	x	Trường Mầm non Mạ Non	Kế toán	Kế toán viên	6,031	Đại học	Kế toán			Thiếu chứng chỉ tin học, ngoại ngữ theo tiêu chuẩn yêu cầu của vị trí việc làm tuyển dụng
3	Võ Thị Thu	Hiếu	3	9	1982	X	Trường Tiểu học Lê Lợi	Văn thư	Văn thư viên trung cấp	02.008	Chứng chỉ	Quản Trị văn phòng và văn thư lưu trữ		Tin học ứng dụng - Trình độ A	Thiếu chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp
4	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	24	10	1992	x	Trường Tiểu học Lê Lợi	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29			Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản	Chưa có Bảng tốt nghiệp đại học trở lên
5	Nguyễn Thị Kim	Cúc	19	6	1998	x	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Tiếng Anh thương mại	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	UCCNTT CB	Chưa có chứng chỉ nghiệp vụ sự phạm phù hợp
6	Nguyễn Thị Kim	Thùy	3	8	1998	x	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	UCCNTT CB	Chưa có chứng chỉ nghiệp vụ sự phạm phù hợp
7	Huỳnh Thị Kiều	Ngoan	13	2	1987	x	Trường Tiểu học Nguyễn Trực	Hỗ trợ Giáo dục người khuyết tật	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	V.07.06.16	Trung cấp	- Bồi dưỡng năng lực tư vấn cho giáo viên PT làm công tác tư vấn cho học sinh. - Y sỹ.	Chứng chỉ Tiếng Anh trình độ B	Chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ A	Chưa có chứng chỉ nghiệp vụ về hỗ trợ giáo dục giáo dục người khuyết tật
8	Huỳnh Quốc	Hùng	22	11	1988		Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Huấn luyện viên chuyên ngành Bóng đá		UDCNTT cơ bản	Văn bằng, chứng chỉ không phù hợp yêu cầu của vị trí việc làm tuyển dụng
9	Trần Thị Cẩm	Duyên	22	01	1993	x	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Y tế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp	Y sỹ	Tiếng Anh B	ƯDCNTT cơ bản	Chứng chỉ ngoại ngữ chưa đúng theo quy định
10	Nguyễn Văn	Phúc	12	5	1996		Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Giáo viên dạy Địa lý	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Giáo viên môn Địa lý			Đăng ký tuyển dụng ở 03 trường (THCS Hai Bà Trưng, THCS Nguyễn Văn Quý, THCS Hiệp Phước)
11	Bùi Thị Hoài	Thu	25	01	1999	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32			Tiếng anh B1	UDCNTT cơ bản	Chưa có Bảng tốt nghiệp đại học trở lên
12	Nguyễn Thị Thùy	Trang	30	07	1993	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Hoa B	Tin học ứng dụng	Chưa có chứng chỉ nghiệp vụ sự phạm phù hợp
13	Trần Thị Thùy	Trình	25	07	1990	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Đại học	Ngôn ngữ Anh	TOEIC		Chưa có chứng chỉ nghiệp vụ sự phạm phù hợp
14	Đoàn Ngọc	Đăng	12	12	1995		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Nhật	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Chưa có chứng chỉ nghiệp vụ sự phạm phù hợp

lau

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Lý do không đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					
15	Ngô Thị Hồng	Trình	10	11	1999	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Hóa học			Đăng ký tuyển dụng ở 02 trường (THCS Nguyễn Bình Khiêm và THCS Nguyễn Thị Hương)
16	Phạm Thị Lan	Phương	25	11	1997	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Đại học	Sư phạm Hóa học	Tiếng Anh B1	UDCNTT cơ bản	Đăng ký tuyển dụng ở 02 trường (THCS Lê Thành Công và THCS Nguyễn Thị Hương)
17	Hồ Minh	Toàn	23	4	1997		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quý	Giáo viên dạy Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Cao đẳng	Sư phạm Địa lí	B1	Công nhận đạt chuẩn Tin học	Đăng ký tuyển dụng ở 02 trường (THCS Lê Văn Hưu và THCS Nguyễn Văn Quý); Văn bằng, chứng chỉ không phù hợp yêu cầu của vị trí việc làm tuyển dụng
18	Bùi Gia	Quân	1	6	1984		Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Thiết bị, thí nghiệm	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	V.07.07.20	Đại học	Luật			Văn bằng, chứng chỉ không phù hợp yêu cầu của vị trí việc làm tuyển dụng
19	Ngô Thị Tuyết	Nhung	4	10	1990	x	Trường Trung học cơ sở Phước Lộc	Kế toán	Kế toán viên	06.031	Đại học	Kế toán	Tiếng Anh B		Không có chứng chỉ tin học
20	Đặng Thị Ngọc	Thúy	5	5	1994	x	Trường Trung học cơ sở Phước Lộc	Y tế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Cao đẳng	Điều dưỡng		Tin học ứng dụng A	Phải tốt nghiệp trung cấp y sĩ trở lên, không có chứng chỉ ngoại ngữ

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2022 *tau*